

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/KDTM-PT
Ngày 10 - 7 - 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hà
Các Thẩm phán: Ông Hồ Hữu Việt
Ông Lê Tuấn Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ánh Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Hữu Tình - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 09 và 10 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 03/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 4 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2019/DS-ST, ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố U bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2020/QĐ-PT, ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Số 2 H, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Q, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

- Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Việt H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A, chi nhánh Tuyên Quang.

- Người được ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thu T, chức vụ: Trưởng phòng kiểm tra kiểm soát nội bộ Ngân hàng A, chi nhánh Tuyên Quang. (Có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên P

Địa chỉ: Số nhà 558, tổ 02 (nay là tổ 01), phường N, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Minh I, sinh năm 1960; chức vụ: Giám đốc. (Có mặt).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Hoàng Mạnh Đ, sinh năm 1981; (Vắng mặt).

HKTT: Tổ 10, phường N, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, phường N, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang.

- Chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1982; (Vắng mặt).

HKTT: Tổ 10, phường N, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, phường P, quận S, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Đ, Chị O: Ông Nguyễn Trung L, sinh năm 1958; HKTT: TT– Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 85, tổ 12, phường T, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

4. Người kháng cáo: Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH một thành viên P – ông Đặng Minh I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng A - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang trình bày:*

Ngày 29/6/2011, anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O, công ty TNHH một thành viên P (gọi tắt là Công ty) và Ngân hàng A - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết hợp đồng thế chấp bằng tài sản số 01 ngày 29/6/2011 với nội dung anh Hoàng Mạnh Đ và chị Nguyễn Thị O đồng ý thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 04, diện tích 98.3m², tờ bản đồ số QH khu dân cư xóm 12, thuộc tổ 12 (nay là tổ 5), phường N, thành phố U, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) số AN 637912 do UBND thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố U) cấp ngày 23/02/2009 mang tên hộ ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị O cho Ngân hàng để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH MTV P với Ngân hàng (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan – nếu có) trong đó mức dư nợ/số tiền cho vay theo các hợp đồng tín dụng do Ngân hàng và Công ty ký là 1.400.000.000đ (một tỷ bốn trăm triệu đồng). Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại phòng công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang.

Cùng ngày 29/6/2011 Ngân hàng A - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang đã ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 8100 - LAV 201100793 giữa bên cho vay tiền là Ngân hàng và bên vay là Công ty TNHH một thành viên P. Thời hạn hạn mức 12 tháng kể từ ngày 30/6/2011, lãi suất tại thời điểm ký hạn mức 19%/ năm. Tổng số tiền hạn mức 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng). Tổng số tiền ngân hàng đã giải ngân cho Công ty là 1.400.000.000đ. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (nhà xây 03 tầng) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC ngày 29/6/2011 đã ký giữa ngân hàng với công ty và

anh Đ, Chị O có đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh thành phố U.

Do điều kiện khách quan, Công ty hoạt động không hiệu quả nên không thanh toán được cho ngân hàng các khoản nợ đúng hạn. Bên ngân hàng đã tạo điều kiện gia hạn nợ nhiều lần để Công ty khắc phục khó khăn nhưng cũng không khắc phục được, ngân hàng đã có nhiều Biên bản làm việc với Công ty và bên có tài sản bảo đảm là anh Đ và Chị O yêu cầu thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng thế chấp đã ký kết nhưng phía công ty cũng không trả được và bên có tài sản bảo đảm không hợp tác để xử lý tài sản thế chấp. Do vậy, Ngân hàng đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố U giải quyết buộc Công ty TNHH Một thành viên P phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 8100 - LAV 201100793 ngày 29/6/2011 đã ký giữa Ngân hàng với Công ty, yêu cầu công ty TNHH một thành viên P có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền tạm tính đến hết ngày 25/11/2019 là 2.716.731.528 đồng (*Hai tỷ bảy trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng); nợ lãi là 1.316.731.528đ (Một tỷ ba trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng).

Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị O đã được đăng ký thế chấp ngày 29/6/2011.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho ngân hàng thì ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty để thu hồi nợ theo quy định

** Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH một thành viên P - ông Đặng Minh I trình bày:*

Công ty TNHH một thành viên P được thành lập lần đầu ngày 11/11/2010, có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH Một thành viên có mã số doanh nghiệp: 5000634407 Đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 11 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 12 tháng 8 năm 2019 ngành nghề kinh doanh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ; buôn bán sắt thép; bán lẻ ngô, khoai, sắn, xi măng, gạch, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác Ngày 29/6/2011 công ty có ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 8100 - LAV 201100793 với Ngân hàng A - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang và được ngân hàng giải ngân cho vay vốn kinh doanh theo hợp đồng. Tổng số tiền ngân hàng đã giải ngân cho Công ty là 1.400.000.000đ. Tài sản bảo đảm cho khoản vay là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất (nhà xây 03 tầng) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC ngày 29/6/2011 đã ký giữa ngân hàng với công ty và anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O có đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất chi nhánh thành phố U.

Quá trình hoạt động kinh doanh tốt, công ty vẫn trả lãi đều cho ngân hàng. Vào thời điểm có biến động về tranh chấp chủ quyền ở biển đông việc giao thương hàng hóa giữa 2 nước Việt Nam – Trung Quốc bị gián đoạn nên việc giao nhận hàng hóa gặp nhiều khó khăn, trở ngại, nhiều lô hàng phải nằm chờ ở cửa khẩu nhiều ngày, thời tiết không tốt ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa nên công ty có dấu hiệu làm ăn thua lỗ. Công ty đã báo ngân hàng và ngân hàng đã tạo điều kiện gia hạn trả nợ để công ty khắc phục khó khăn. Tuy nhiên công ty cũng đã tìm đủ mọi biện pháp phục hồi sản xuất khắc phục khó khăn nhưng không được, ngày 10/01/2015 công ty đã phải ngừng hoạt động.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên P phải thực nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 8100 - LAV 201100793 ngày 29/6/2011 đã ký giữa Ngân hàng với Công ty, yêu cầu công ty TNHH một thành viên P có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 25/11/2019 là 2.716.731.528 đồng (*Hai tỷ bảy trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000đ (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*); nợ lãi là 1.316.731.528đ (*Một tỷ ba trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng*). Công ty xin nhận trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng và đề nghị ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Hoàng Mạnh Đ chị Nguyễn Thị O vì anh Đ, Chị O không được hưởng lợi gì từ tiền vốn kinh doanh của công ty. Trong trường hợp Công ty không trả được thì ông sẵn sàng dùng tài sản cá nhân để trả nợ cho ngân hàng.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O trình bày:*

Ngày 29/6/2011 anh chị có được ký kết hợp đồng thế chấp bằng tài sản với ngân hàng với nội dung anh chị đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà xây) của thửa đất số 04, diện tích 98.3m², tờ bản đồ số QH khu dân cư xóm 12, thuộc tổ 12 (nay là tổ 5), phường N, thành phố U, đất đã được cấp GCNQSD mang tên anh chị cho ngân hàng để đảm bảo khoản tiền vay của công ty TNHH một thành viên P (công ty TNHH MTV P). Việc ký kết là tự nguyện, không bị ép buộc. Tuy nhiên hiện nay do công ty làm ăn thua lỗ không trả được tiền cho ngân hàng nên ngân hàng yêu cầu anh chị giao tài sản là nhà đất để phát mại thì anh chị không nhất trí vì khi ký kết hợp đồng không quy định quyền lợi của anh chị mà chỉ quy định nghĩa vụ của người bảo lãnh là không đúng về hình thức bảo lãnh, hợp đồng được lập trên cơ sở giả tạo vì khi thế chấp tài sản chỉ có nhà xây 03 tầng, không có chống nóng, khi ký kết anh Đ có sử dụng chất hướng thần (ma túy) nên không được tỉnh táo. Hơn nữa tài sản bảo đảm là tài sản duy nhất của gia đình anh chị, nếu ngân hàng phát mại thì gia đình không còn chỗ ở, cuộc sống không ổn định, ảnh hưởng đến chính sách an sinh xã hội. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc công ty có nghĩa vụ trả tiền cho ngân hàng và tuyên hợp đồng thế chấp vô hiệu, buộc ngân hàng trả lại GCNQSD đất cho gia đình anh chị.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2019/KDTM-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố U đã quyết định:

- Căn cứ vào Các Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 299, 317, 319, 320, 323 BLDS; Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 179 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A (A) tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/11/2019 là: 2.716.731.528 đồng (*hai tỷ bảy trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng); nợ lãi là 1.316.731.528 đồng (*một tỷ ba mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng*).

Kể từ ngày 26/11/2019, công ty còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 8100-LAV201100793 ngày 29/6/2011 đã ký giữa công ty với Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc.

Trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp của khoản vay nói trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN637912 do UBND thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố U) cấp ngày 23/02/2009 mang tên hộ ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị O, thửa đất số 04, diện tích 98,3m², tờ bản đồ số QH khu dân cư xóm 12, thuộc tổ 12 (nay là tổ 5), phường N, thành phố U (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 29/6/2011).

Ngoài ra, bản án còn giải quyết về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2019 Tòa án nhận đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH một thành viên P – ông Đặng Minh I, đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2019/KDTM-ST, ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố U, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo trình tự phúc thẩm tuyên vô hiệu đối với hợp đồng thế chấp số 01 lập ngày 29/6/2011 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Tuyên Quang vì hợp đồng này không thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và khoản 5 Điều 14 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT. Hộ gia đình anh Hoàng Mạnh Đ khi làm thủ tục thế chấp có 04 thành viên, mà chỉ có 02 thành viên có tên và chữ ký trong hợp đồng thế chấp là anh Đ và Chị O còn lại không có tên 02 con trai anh Đ, Chị O là Hoàng Quốc V và Hoàng Mạnh X, 02 người này không có văn bản đồng ý thế chấp được công chứng, chứng thực theo quy định. Hộ gia đình

anh Đ, Chị O không được sử dụng tiền vay, không được hưởng lợi nhuận từ tiền vay vốn của công ty TNHH MTV P. Đây là nơi ở duy nhất của hộ gia đình anh Đ.

Ngày 09/12/2019 Tòa án nhận đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O, đơn kháng cáo có nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2019/KDTM-ST, ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố U, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo trình tự phúc thẩm tuyên vô hiệu đối với hợp đồng thế chấp số 01 lập ngày 29/6/2011 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Tuyên Quang vì hợp đồng này đã hết hiệu lực từ ngày 30/6/2012; Anh Đ, Chị O chỉ đồng ý bảo lãnh cho công ty TNHH MTV P vay 1,4 tỷ với thời hạn hết ngày 30/6/2012. Hết hạn của hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp đã nêu trên công ty đã tất toán các khoản vay với Ngân hàng A - Chi nhánh Tuyên Quang trước khi làm thủ tục vay mới. Việc ngân hàng tiếp tục cho công ty TNHH MTV P vay vào các ngày 30/01/2013, 16/4/2013, 17/4/2013 và 05/6/2013 anh Đ Chị O không được biết, không được ký hợp đồng thế chấp cho khoản vay mới nên không phải chịu trách nhiệm bảo đảm cho hợp đồng tín dụng mới. Anh Đ ký hợp đồng thế chấp trong khi không nhận thức, làm chủ được hành vi, không hiểu rõ quy định trong hợp đồng thế chấp vì lúc đó đã sử dụng chất hướng thần (ma túy).

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn đại diện Công ty TNHH MTV P ông Đặng Minh I giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 29/6/2011 giữa anh Đ, Chị O với Ngân hàng A - Chi nhánh Tuyên Quang là hợp đồng vô hiệu, đề nghị Ngân hàng trả lại giấy CNQSDĐ cho anh Đ Chị O. Công ty xin nhận toàn bộ trách nhiệm với Ngân hàng về số tiền nợ gốc và lãi và tìm cách khắc phục trả nợ cho Ngân hàng. Ông xác định khi sắp hết thời hạn tín dụng của hợp đồng tín dụng 8100 LAV 201100793 công ty TNHH MTV P có đơn đề nghị Chi nhánh Ngân hàng NN&PTNT tỉnh Tuyên Quang gia hạn hạn mức tín dụng từ ngày 30/6/2012 đến 30/6/2013 với số tiền 1.400.000.000đ và được Ngân hàng nhất trí, trên cơ sở số tiền và thời hạn được gia hạn ngân hàng tiếp tục cho công ty TNHH MTV P vay tiền để hoạt động kinh doanh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng công ty TNHH MTV P chưa bao giờ tất toán trả hết số tiền nợ 1.400.000.000đ cho Ngân hàng mà công ty chỉ trả lãi hàng tháng và trả tiền gốc từng lần sau đó tiếp tục được ngân hàng cho vay.

Ông Nguyễn Trung L - Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O trình bày: Ngày 29/6/2011 anh Hoàng Mạnh Đ và chị Nguyễn Thị O có ký hợp đồng thế chấp tài sản số 01 bảo lãnh cho công ty TNHH MTV P vay số tiền 1.400.000.000đ của Ngân hàng Ngân hàng A - Chi nhánh Tuyên Quang, với thời hạn tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 30/6/2011 đến 30/6/2012. Việc ký kết hợp đồng thực hiện tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Tuyên Quang hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Sau ngày 30/6/2012 ông Đ bà Hường không ký hợp đồng nào bổ sung hợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng; không ký vào văn bản đồng ý gia hạn hợp

đồng tín dụng nào. Công ty TNHH MTV P muốn vay khoản vay mới thì phải tất toán các khoản vay trước đó cả gốc và lãi, phải lập hợp đồng thế chấp lại, muốn gia hạn hợp đồng tín dụng thì phải được sự đồng ý của anh Đ và Chị O. Thực tế sau ngày 30/6/2012 Ngân hàng tiếp tục giải ngân cho công ty TNHH MTV P vay tiền nhưng anh Đ Chị O không được biết, nên ông vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị HĐXX tuyên Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 29/6/2011 vô hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng trong việc cho các đương sự tiếp cận, công khai chứng cứ, không giải thích quyền nghĩa vụ của đương sự, đương sự không được tiếp cận tài liệu, chứng cứ của vụ án. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị O là tài sản chung của hộ gia đình gồm 04 người nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không đưa các con của anh Đ Chị O là Hoàng Quốc V và Hoàng Mạnh X vào tham gia tố tụng ảnh hưởng đến quyền lợi của các cháu, những vi phạm này không thể bổ sung ở cấp phúc thẩm được. Đề nghị HĐXX phúc thẩm hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố U.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng A - chi nhánh tỉnh Tuyên Quang không nhất trí yêu cầu kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH một thành viên P – ông Đặng Minh I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH MTV P và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O; giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại số 21/2019/KDTM-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố U.

Về án phí: Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH một thành viên P – ông Đặng Minh I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm, những người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của BLTTDS nên được công nhận là hợp lệ, được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Các bên không kháng cáo về số tiền nợ công ty TNHH MTV P phải trả cho Ngân hàng A là: 2.716.731.528 đồng (*hai tỷ bảy trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng*). Trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng); nợ lãi là 1.316.731.528 đồng (*một tỷ ba mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng*) nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về yêu cầu kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH một thành viên P – ông Đặng Minh I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp bằng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số 01 ngày 29/6/2011 vô hiệu, buộc A chi nhánh Tuyên Quang trả lại cho hộ gia đình anh Hoàng Mạnh Đ và chị Nguyễn Thị O giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 637912 được UBND thị xã Tuyên Quang cấp ngày 23/02/2009.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 29/6/2011 Công ty TNHH một thành viên P ký hợp đồng tín dụng số 8100 - LAV 201100793 với Ngân hàng A - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang với hạn mức vay 1.400.000.000đ, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ phương án kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và kinh doanh vật liệu xây dựng.... thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 30/6/2011 đến ngày 30/6/2012), lãi suất tại thời điểm ký với mức 19%/ năm, nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm bằng Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 29/6/2011, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ QH khu dân cư xóm 12 xã N, diện tích 98.3m², địa chỉ thửa đất: Tổ 12 phường N, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố U) cấp giấy GCNQSD đất số AN 637912 ngày 23/02/2009 mang tên chủ sử dụng đất hộ ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị O và tài sản gắn liền với đất là nhà xây 03 tầng + chống nóng.

Anh Đ Chị O đồng ý thế chấp đất thửa đất số 04, diện tích 98.3m², và tài sản trên đất là nhà xây ba tầng, chống nóng thuộc tổ 12 (nay là tổ 5), phường N, thành phố U, đất đã được cấp GCNQSD đất mang tên hộ ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị O cho Ngân hàng A - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH MTV P với số tiền cho vay theo hợp đồng tín dụng số 8100-LAV201100793 do Ngân hàng và Công ty ký là 1.400.000.000 đồng.

Tại thời điểm ký hợp đồng thế chấp các bên đều có năng lực hành vi dân sự, Ngân hàng có đủ tư cách pháp nhân, tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh Đ Chị O, các bên tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng, không bị lừa

đổi, ép buộc. Tại Điều 2 của hợp đồng thế chấp quy định nghĩa vụ bảo đảm thế hiện (*Bên B tự nguyện dùng tài sản nêu trên thế chấp cho bên A để bảo đảm cho các nghĩa vụ trả nợ cho bên C đối với bên A (bao gồm: nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và các chi phí phát sinh khác liên quan – nếu có), trong đó mức dư nợ /số tiền cho vay theo các hợp đồng tín dụng do bên A và bên C ký là 1.400.000.000đ (Một tỷ bốn trăm triệu đồng)....* Hợp đồng thế chấp được công chứng tại Phòng công chứng Nhà nước số 1 tỉnh Tuyên Quang và được thực hiện việc thủ tục đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố U là phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 123 và Điều 124 BLDS năm 2005; Điều 10 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 11/2011/NĐ-CP ngày 22/02/2012) của Chính phủ; điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ. Như vậy, hợp đồng thế chấp số 01 ngày 29/6/2011, bên thế chấp là anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O có hiệu lực pháp luật và phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm giao kết hợp đồng. Anh Đ cho rằng khi ký hợp đồng do sử dụng chất hướng thần (ma túy) nên không làm chủ được hành vi của mình, không hiểu rõ quy định trong hợp đồng. Hội đồng xét xử thấy, khi ký hợp đồng anh Đ Chị O không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, cũng không có kết luận của cơ quan có thẩm quyền kết luận anh Đ bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, chữ ký trong hợp đồng thế chấp là do anh chị tự nguyện ký, không bị ép buộc, anh Đ cho rằng việc anh chỉ biết ký, không hiểu rõ quy định trong hợp đồng ký, không đọc lại văn bản, tuy nhiên tại Giấy đề nghị miễn giảm lãi của ông Hoàng Mạnh Đ ngày 07/3/2019 gửi Ngân hàng (BL số 259) ông Đ tự trình bày: *“Tài sản đảm bảo hợp đồng tín dụng số 8100- LAV 201100793 ngày 29/6/2011 với hạn mức vay 1,4 tỉ được bảo đảm bằng hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 29/6/2011 bên nhận thế chấp là Ngân hàng, bên thế chấp là ông Hoàng Mạnh Đ bà Nguyễn Thị O, bên được thế chấp là công ty TNHH P. Do công ty làm ăn thua lỗ các khoản vay theo Hợp đồng tín dụng đã quá hạn không còn khả năng thanh toán nên bên thế chấp tài sản đề nghị Ngân hàng cho ông thực hiện thay nghĩa vụ trả nợ cho Công ty và đề nghị Ngân hàng miễn giảm số tiền lãi tồn chưa thanh toán của Hợp đồng tín dụng ngày 29/6/2011...”*. Như vậy có căn cứ khẳng định khi ký hợp đồng thế chấp anh Đ nhận thức được trách nhiệm và nghĩa vụ của mình. Anh kháng cáo cho rằng không hiểu rõ các quy định trong hợp đồng, khi ký không đọc lại văn bản là không có cơ sở xem xét.

Anh Đ cho rằng gia đình anh chỉ ký hợp đồng thế chấp tài sản bảo lãnh cho Công ty P vay 1.400.000.000đ với thời hạn 01 năm (từ 30/6/2011 đến ngày 30/6/2012) theo hợp đồng tín dụng số 8011 LAV 201100793. Hết hạn của Hợp đồng tín dụng, Công ty P đã tắt toán các khoản vay của hợp đồng tín dụng này, như vậy hợp đồng thế chấp số 01 ngày 29/6/2011 hết hiệu lực. Sau ngày 30/6/2012 Ngân hàng A - Chi nhánh tỉnh Tuyên Quang mới giải ngân cho Công ty P vay tiếp số tiền 1.400.000.000đ vay làm 04 lần: ngày 30/01/2013 cho công ty

vay số tiền 100.000.000đ; Ngày 16/4/2013 cho công ty vay số tiền 500.000.000đ; ngày 17/4/2013 cho công ty vay số tiền 390.000.000đ và ngày 05/6/2013 vay số tiền 410.000.000đ, anh Đ Chị O không hề biết, không thể chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay đó.

Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 8100 - LAV 201100793 giữa bên cho vay tiền là Ngân hàng và bên vay là Công ty TNHH một thành viên P. Tổng số tiền hạn mức 1.400.000.000đ. Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty nhiều lần với tổng số tiền là 1.400.000.000 đồng. Thời hạn hạn mức 12 tháng (từ ngày 30/6/2011 đến ngày 30/6/2012). Đến ngày 28/6/2012, số dư nợ gốc cuối kỳ là 1.400.000.000đ (Theo sổ phụ tiền vay của Công ty theo Hợp đồng tín dụng 8100 - LAV 201100793 do Ngân hàng cung cấp (BL 341)). Trên cơ sở giấy đề nghị gia hạn hạn mức tín dụng của Công ty và qua kiểm tra tình hình thực hiện dự án, phương án sử dụng tiền vay, khả năng trả nợ (Biên bản kiểm tra sau khi vay) của phía Ngân hàng, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang đã phê duyệt đồng ý cho gia hạn hạn mức tín dụng trên, thời hạn từ ngày 30/6/2012 đến 30/6/2013. Xét thấy việc gia hạn hạn mức tín dụng của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 22 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng (ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Ngân hàng Nhà nước): *“Trường hợp khách hàng không trả nợ hết nợ gốc trong thời hạn cho vay và có văn bản đề nghị gia hạn nợ, thì tổ chức tín dụng xem xét gia hạn nợ. Thời hạn gia hạn nợ đối với cho vay ngắn hạn tối đa bằng 12 tháng”*.

Tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp bằng tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất số 01 ngày 29/6/2011 có quy định: “Nghĩa vụ được bảo đảm là nghĩa vụ trả nợ của bên C đối với bên A (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan – nếu có) trong đó mức dư nợ/số tiền cho vay theo các hợp đồng tín dụng do bên A và bên C ký là 1.400.000.000 đồng”.

Theo Điều 7.2. của Hợp đồng quy định: *“Hợp đồng hết hiệu lực trong các trường hợp: Bên B đã hoàn thành nghĩa vụ trả nợ được bảo đảm tại hợp đồng thế chấp; các bên có thỏa thuận bảo đảm nợ vay bằng biện pháp bảo đảm khác; tài sản thế chấp đã được xử lý để thu hồi nợ”*.

Như vậy, hợp đồng thế chấp xác định nghĩa vụ bảo đảm là nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối với Ngân hàng theo mức dư nợ là 1.400.000.000 đồng, hiệu lực của hợp đồng thế chấp cho đến khi Công ty hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng. Hợp đồng thế chấp không có điều khoản nào quy định hợp đồng thế chấp hết hiệu lực từ ngày 30/6/2012, vì vậy kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH một thành viên P – ông Đặng Minh I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O yêu cầu tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng thế chấp số 01 lập ngày 29/6/2011 do hợp đồng thế chấp hết hiệu lực từ ngày 30/6/2012 và buộc A chi nhánh Tuyên Quang trả lại cho hộ gia đình anh Đ Chị O giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 637912 được

UBND thị xã Tuyên Quang cấp ngày 23/02/2009 là không có căn cứ chấp nhận, do vậy cần giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung này.

Công ty TNHH P còn kháng cáo cho rằng khi anh Đ Chị O ký hợp đồng thế chấp, các thành viên còn lại trong gia đình anh Đ là cháu Hoàng Quốc V và Hoàng Mạnh X không có văn bản đồng ý hoặc ủy quyền bằng văn bản được công chứng, chứng thực là không đúng quy định. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa 02 cháu Việt và Kiều tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các cháu do đó cần hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại từ đầu.

Hội đồng xét xử xét thấy tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 23/02/2009 thì hộ gia đình anh Đ, Chị O gồm 04 người là anh Hoàng Mạnh Đ, sinh năm 1981; chị Nguyễn Thị O, sinh năm 1982, cháu Hoàng Quốc V sinh ngày 13/12/2002 và Hoàng Mạnh X sinh ngày 16/02/2008. Anh Đ, Chị O ký hợp đồng thế chấp tài sản ngày 29/6/2011 lúc này hai con của anh Đ Chị O còn rất nhỏ cháu V gần 09 tuổi và cháu X hơn 03 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Điều 146 Nghị định 181/2004/NĐ-CP: “2. *Hợp đồng chuyển đổi, chuyển nhượng, thuê, thuê lại quyền sử dụng đất; hợp đồng hoặc văn bản tặng cho quyền sử dụng đất; hợp đồng thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng chung của hộ gia đình phải được tất cả các thành viên có đủ năng lực hành vi dân sự trong hộ gia đình đó thống nhất và ký tên hoặc có văn bản ủy quyền theo quy định của pháp luật về dân sự*”. Khoản 2 Điều 109 của Bộ luật Dân sự năm 2005 về chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của hộ gia đình cũng quy định “ 2. *Việc định đoạt tài sản là tư liệu sản xuất, tài sản chung có giá trị lớn của hộ gia đình phải được các thành viên từ đủ mười lăm tuổi trở lên đồng ý... ”*”.

Theo đó, quyền sử dụng đất thuộc quyền sử dụng chung của hộ gia đình thì khi ký vào hợp đồng thế chấp tài sản phải được sự thống nhất của tất cả những người trong gia đình bao gồm vợ chồng, con cái từ đủ 15 tuổi trở lên. Các con của anh Đ Chị O đều còn nhỏ dưới 15 tuổi do đó các giao dịch dân sự đều do chủ hộ là đại diện của hộ gia đình trong các giao dịch dân sự thực hiện. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan xác định hiện trạng sử dụng thửa đất và tài sản gắn liền với đất không có sự thay đổi so với khi thế chấp tài sản, năm 2017 gia đình anh Đ Chị O có làm thêm bán mái tầng 1 có giá trị 13.405.000đ phần bán mái xây dựng thêm do anh Đ, Chị O thực hiện vẫn thuộc tài sản của người thế chấp do vậy không cần thiết phải đưa hai con của ông Đ bà Hường là cháu Hoàng Quốc V và Hoàng Mạnh X vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo đề nghị tuyên bố hợp đồng thế chấp số 01 ngày 29/6/2011 vô hiệu của người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH P và yêu

cầu hủy bản án sơ thẩm của người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Ngoài ra người đại diện theo ủy quyền của anh Đ Chì O còn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án kinh doanh thương mại số 21/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của TAND thành phố U vì quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng khi mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ, Thẩm phán không giải thích quyền, nghĩa vụ của đương sự, không cho đương sự được tiếp cận tài liệu, chứng cứ của vụ án, là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà không thể bổ sung tại cấp phúc thẩm. Hội đồng xét xử thấy: Tại biên bản tiếp cận công khai chứng cứ hồi 8h30 phút ngày 20/9/2018 (BL số 163) tại Tòa án nhân dân thành phố U Thẩm phán đã lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ có mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh Đ, Thẩm phán đã phổ biến quyền và nghĩa vụ của đương sự, công bố tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các đương sự nhất trí ký biên bản, không có ý kiến bổ sung. Quá trình giải quyết mặc dù nguyên đơn không thông báo cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc khởi kiện cũng như thông báo về các tài liệu đã giao nộp cho Tòa án nhưng tại cấp sơ thẩm anh Đ Chì O không thực hiện quyền của đương sự đề nghị Tòa án cho sao chụp các tài liệu do đương sự khác xuất trình và các tài liệu do Tòa án thu thập được, trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông Nguyễn Trung L là người đại diện theo ủy quyền của anh Đ Chì O cũng không đề nghị được sao chụp tài liệu theo quy định.

Từ những căn cứ trên thấy rằng không có cơ sở chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH MTV P và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2019/KDTM-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố U.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Do cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH một thành viên P – ông Đặng Minh I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O nên Công ty TNHH một thành viên P và anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty TNHH một thành viên P – ông Đặng Minh I và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Mạnh Đ, chị Nguyễn Thị O.

2. Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 21/2019/KDTM-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân thành phố U như sau:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A (A) tổng số tiền nợ tính đến ngày 25/11/2019 là: 2.716.731.528 đồng (hai tỷ bảy trăm mười sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng). Trong đó: Nợ gốc là 1.400.000.000 đồng (Một tỷ bốn trăm triệu đồng); nợ lãi là 1.316.731.528 đồng (một tỷ ba mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi một nghìn năm trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày 26/11/2019, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 8100-LAV201100793 ngày 29/6/2011 đã ký giữa Công ty với Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết số nợ gốc.

Trường hợp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ và lãi phát sinh cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp của khoản vay nói trên là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN637912 do UBND thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố U) cấp ngày 23/02/2009 mang tên hộ ông Hoàng Mạnh Đ và bà Nguyễn Thị O, thửa đất số 04, diện tích 98.3m², tờ bản đồ số QH khu dân cư xóm 12, thuộc tổ 12 (nay là tổ 5), phường N, thành phố U (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 29/6/2011).

3. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên P phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm công ty đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tại biên lai thu số 0000236 ngày 17/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Tuyên Quang, (do ông Đặng Minh I nộp), Công ty đã nộp đủ án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

- Anh Hoàng Mạnh Đ và chị Nguyễn Thị O phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm anh Đ, Chị O đã nộp là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tại biên lai thu số 0000231 ngày 16/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố U, tỉnh Tuyên Quang, (do ông Nguyễn Trung L nộp thay). Anh Đ, Chị O đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 10/7/2020./.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao Hà Nội;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND thành phố U;
- Chi cục THADS thành phố U;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Ngọc Hà

